

DANH SÁCH GVCN - HV NỘP TIỀN CÁC KHOẢN

Năm học 2019-2020

SP	Ngày, tháng	Người nộp	Lớp	GV nộp	HV nộp	Tổng Tiền	SV nộp thẻ
Tháng 9							
1	9/9	Phạm Mã Đăng	10B	32.463.000		32.463.000	
2	"	Mai Thị Lan	11B	16.737.000		16.737.000	
3	"	Văn Thị Trang	11A	33.694.000		33.694.000	
4	10/9	Ng. Hoàng Hải Hậu	10C		1.601.000	1.601.000	
5	"	Dương Thị Thu Giang	10C		1.601.000	1.601.000	
6		Đỗ Văn Tuấn	10C		2.164.000	2.164.000	
7	13/9	Nguyễn Thị Vĩ	10C	3.202.000		3.202.000	
8	19/9	Văn Thị Trang	11A	7.260.000		7.260.000	
9	23/9	Lê Thị Lan	12A	23.000.000		23.000.000	
10	23/9	Lê Kim Thắng	9A		1.103.220	1.103.220	
11	"	Hoàng Thị Hồng	10A	14.000.000		14.000.000	
12	24/9	Đoàn Như Tường	10A		1.601.000	1.601.000	
13	"	Nguyễn Minh Nhật	12A		3.857.420	3.857.420	
14	"	Phạm Mã Đăng	10B	5.928.000		5.928.000	
15	26/9	Lê Minh Hiếu	11B		2.320.000	2.320.000	
16	30/9	Nguyễn Đình Hiếu	12B		3.857.420	3.857.420	
17	"	Đoàn Ng. Thủy Hằng	11B		2.320.220	2.320.220	
Cộng tháng				136.284.000	20.425.280	156.709.280	
Tháng 10							
18	3/10	Đoàn Văn Hà	11B		2.320.000	2.320.000	
19	7/10	Nguyễn Ngọc Châu	11B		2.320.000	2.320.000	
20	7/10	Nguyễn Trung Kiên	11B		120.000	120.000	
21	7/10	Nguyễn Văn Bảo	10C		2.164.220	2.164.220	
22	7/10	Nguyễn Mạnh Hạo Nam	10C		2.164.220	2.164.220	
23	7/10	Thị Kha	10C		2.164.220	2.164.220	
24	8/10	Lương Vũ Quốc Đạt	12B	11.472.000		11.472.000	
25	10/10	Lương Văn Thiện	11C		1.757.000	1.757.000	Thẻ
26	10/10	Phạm Minh Tiến	11A		2.320.220	2.320.220	
27	14/10	Phạm Văn Tài	12A		1.000.000	1.000.000	
28	14/10	Lương Vũ Quốc Đạt	12B	1.912.000		1.912.000	
29	14/10	Lê Thị Lan	12A	10.000.000		10.000.000	
30	15/10	Bùi Văn Thuận	11C		1.707.000	1.707.000	
31	15/10	Đỗ Mạnh Hùng	11C		1.707.000	1.707.000	
32	15/10	Đặng Nhật Cường	11C		1.707.000	1.707.000	
33	15/10	Trần Khanh Duy Nguyễn	11C		1.707.000	1.707.000	
34	15/10	Hà Văn Quang	11C		2.270.000	2.270.000	
35	15/10	Vũ Đức Duy	11C		1.707.000	1.707.000	
36	15/10	Lương Vũ Quốc Đạt	12B	1.912.000		1.912.000	
37	21/10	Đàm Quang Dương	11B		1.000.000	1.000.000	
38	21/10	Đặng Văn Công	11B		2.320.000	2.320.000	
39	21/10	Bùi Hoàng Phúc	11B		2.320.000	2.320.000	
40	21/10	Nguyễn Văn Đoàn	11B		2.000.000	2.000.000	
41	21/10	Lương Minh Quang	11B		2.000.000	2.000.000	
42	22/10	Nguyễn Hoàng Long	11X		1.095.000	1.095.000	
43	22/10	Trần Minh Ty	11X		720.000	720.000	
44	22/10	Võ Văn Hậu	11X		720.000	720.000	Thẻ
45	23/10	Hoàng Thị Hồng	10A	25.000.000		25.000.000	
Tổng cộng đến T10				50.296.000	39.309.880	89.605.880	
Tổng tháng 9 + 10				186.580.000	59.735.160	246.315.160	

Thực hiện Kế hoạch tháng, Kế hoạch năm học.
GV CN kiểm tra, rà soát và quyết toán tại Kế
toán trung tâm.

Kế toán



Chị Thảo Hương?